

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Ông Trần Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:** Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1991 (Có đơn đề nghị xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ân Thi 1, xã Hồng Q, huyện Ân T, tỉnh Hưng Y.

2. **Bị đơn:** Chị Phạm Thị M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh H, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G (Vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Tiến P trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến P và chị Phạm Thị M (Sau đây gọi tắt là anh P, chị M) tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 25/4/2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với cha mẹ ruột anh P tại xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G, do cha mẹ anh P có nhà máy trà lúa (máy trà gạo). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh P, chị M bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không hợp. Hơn nữa, cha mẹ anh P về tỉnh Hưng Y sinh sống nên anh P muốn vợ chồng về tỉnh Hưng Y làm ăn nhưng chị M không đồng ý, mà chị muốn vợ chồng anh P, chị M sinh sống tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh H, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G. Từ đó, tình cảm vợ chồng anh P, chị M rạn nứt ngày càng trầm trọng, mỗi người tự quản lý tiền, tiêu xài riêng, không tôn trọng nhau. Nhiều lần vợ chồng anh P, chị M hàn gắn nhưng không thành nên ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh P yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng anh P, chị M có 01 người con chung tên Nguyễn Tiến Thiên, sinh ngày 19/09/2016, hiện con đang sống với chị M. Vợ chồng ly hôn anh P giao con chung Nguyễn Tiến Thiên cho chị M nuôi dưỡng. Anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị vắng mặt không có lý do.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phạm Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh P, chị M.

**[2]. Về hôn nhân:** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Phú xác định, anh chị tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G và

được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/04/2016, nên hôn nhân giữa anh P và chị M là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh P, HĐXX xét thấy: Vợ chồng anh P, chị M không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Xuất phát từ tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu tôn trọng, không tin tưởng lẫn nhau, không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, từ đó đôi bên thường xuyên xảy ra cự cãi. Tại phiên hòa giải ngày 15/01/2024 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của anh P thể hiện rõ quan điểm kiên quyết ly hôn với chị M, không muốn đoàn tụ nên anh, chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã trực tiếp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị M, cũng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ số 01/TB-TA ngày 16/01/2024 nhưng chị M không có ý kiến, phản tố đối với yêu cầu của anh P.

Sau khi nghị án HĐXX nhận thấy, tình trạng hôn nhân của anh P, chị M đã được UBND xã Vĩnh Hòa xác nhận là đúng. Lẽ ra từ khi anh P, chị M ly thân năm 2017 đến nay đã hơn 05 năm anh, chị nên tìm phương cách hàn gắn đoàn tụ gia đình, ngược lại cả hai bỏ mặc không quan tâm nhau, mỗi người sống mỗi nơi khác nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng, cho thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất cho anh P được ly hôn với chị M.

**[3]. Về con chung:** Vợ chồng anh P, chị M có 01 người con chung Nguyễn Tiến Thiên, sinh ngày 19/09/2016, hiện con đang sống chung với chị M. Nhằm để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Thiên, nhiều lần Tòa án triệu tập chị M đến Tòa án để xem xét về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con nhưng chị M vắng mặt. Tại phiên tòa anh P giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, HĐXX nhận thấy, vợ chồng anh P, chị M ly thân từ năm 2017 đến nay, con chung Nguyễn Tiến Thiên do chị M nuôi dưỡng được chị chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng tốt, được chị M cho đi học như bao đứa trẻ cùng trang lứa, cháu đã thích nghi với bạn bè và môi trường sống bên gia đình chị M, việc này được anh P thừa nhận. Do đó, HĐXX thống nhất giao cháu Thiên cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

**[4]. Về chia tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án anh P xác định không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

**[5]. Về án phí:** Anh Nguyễn Tiến P chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002994 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho anh Nguyễn Tiến P được ly hôn với chị Phạm Thị M.

**2. Về con chung:** Giao con chung Nguyễn Tiến Thiên, sinh ngày 19/09/2016 (Hiện con đang sống với chị M) cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Tiến P có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

**3. Về chia tài sản chung:** Anh P, chị M không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

**4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Anh Nguyễn Tiến P chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002994 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh P đã thực hiện xong.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký, đóng dấu)**

**Danh Hoàng**